

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0642007 - Cơ lý thuyết

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên         |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                   |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Nguyễn Phước      | Nhường | 3545010268 | 10/09/1991 | ,00         | ,00         | ,00       | Nợ HPN  |
| 2   | Trần Văn          | Tiến   | 3641010151 | 17/08/1994 | 6,00        | 4,00        | 5,00      |         |
| 3   | Nguyễn Xuân       | Túc    | 3641010161 | 08/02/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | Nợ HPN  |
| 4   | Nguyễn Đình       | Anh    | 3641010207 | 21/09/1993 | 6,00        | 2,00        | 4,00      |         |
| 5   | Huỳnh Minh        | Quang  | 3651010085 | 01/03/1993 | ,00         |             |           |         |
| 6   | Nguyễn Hoàng      | Quân   | 3741010004 | 11/03/1994 | 5,00        | 4,00        | 4,50      |         |
| 7   | Phạm Văn          | Trái   | 3741010006 | 04/02/1995 | 6,00        |             |           |         |
| 8   | Nguyễn Minh       | Phong  | 3741010011 | 20/01/1991 | 7,00        | 6,00        | 6,50      |         |
| 9   | Thái Hồng         | Hưng   | 3741010017 | 05/10/1994 | 8,00        | 7,00        | 7,50      |         |
| 10  | Hồ Văn            | Ngà    | 3741010018 | 17/08/1991 | ,00         | ,00         | ,00       | CẤM T   |
| 11  | Nguyễn Quốc       | Giáp   | 3741010019 | 02/09/1994 | 6,00        | 8,00        | 7,00      |         |
| 12  | Nguyễn Linh       | Sang   | 3741010025 | 18/08/1995 | 7,00        | 10,00       | 8,50      |         |
| 13  | Nguyễn Quốc       | Đạt    | 3741010027 | 20/01/1990 | 7,00        | 9,00        | 8,00      |         |
| 14  | Nguyễn Thành      | Duy    | 3741010028 | 29/04/1994 | 6,00        | 8,00        | 7,00      |         |
| 15  | Phan Hồng         | Lực    | 3741010040 | 24/04/1995 | 6,00        | 5,00        | 5,50      |         |
| 16  | Phan Trần Chí     | Hải    | 3741010048 | 14/12/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | CẤM T   |
| 17  | Nguyễn Thanh      | Hải    | 3741010066 | 08/07/1987 | 5,00        | 3,00        | 4,00      |         |
| 18  | Lê Hoàng Minh     | Sang   | 3741010068 | 15/03/1993 | 6,00        | 3,00        | 4,50      |         |
| 19  | Vạn Ngọc          | Qúa    | 3741010072 | 20/11/1985 | ,00         | ,00         | ,00       | CẤM T   |
| 20  | Phạm Đăng         | Khoa   | 3741010073 | 06/07/1995 | ,00         | ,00         | ,00       | CẤM T   |
| 21  | Võ Thanh          | Thừa   | 3741010077 | 30/04/1986 | 6,00        | 8,00        | 7,00      |         |
| 22  | Châu Hoàng        | Tuấn   | 3741010078 | 02/10/1993 | 6,00        | 7,00        | 6,50      |         |
| 23  | Nguyễn Công       | Tấn    | 3741010079 | 01/01/1992 | 7,00        | 6,00        | 6,50      |         |
| 24  | Lê Văn            | Hú     | 3741010081 | 10/10/1994 | 8,00        | 7,00        | 7,50      |         |
| 25  | Trần Văn          | Quý    | 3741010087 | 08/06/1994 | 6,00        | 6,00        | 6,00      |         |
| 26  | Lê Văn            | Cung   | 3741010091 | 14/12/1995 | 6,00        | 6,00        | 6,00      |         |
| 27  | Phạm Mạnh         | Tiến   | 3741010096 | 18/01/1993 | 7,00        | 9,00        | 8,00      |         |
| 28  | Nguyễn Hường Minh | Hóa    | 3741010097 | 14/07/1993 | 6,00        | 1,00        | 3,50      |         |
| 29  | Phan Thành        | Huy    | 3741010099 | 12/07/1991 | ,00         | ,00         | ,00       | CẤM T   |
| 30  | Nguyễn Thanh      | Tiền   | 3741010104 | 10/11/1999 | ,00         | ,00         | ,00       | CẤM T   |
| 31  | Đào Huỳnh Công    | Vinh   | 3741010108 | 09/07/1994 | 6,00        | 7,00        | 6,50      |         |
| 32  | Nguyễn Trung      | Trúc   | 3741010110 | 27/11/1995 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 33  | Lê Văn            | Hoàng  | 3741010115 | 03/09/1995 | 6,00        | 10,00       | 8,00      |         |
| 34  | Nguyễn Xuân       | Thọ    | 3741010116 | 14/03/1995 | 5,00        | 10,00       | 7,50      |         |
| 35  | Nguyễn Văn        | Tĩnh   | 3741010118 | 18/03/1994 | 6,00        | 6,00        | 6,00      |         |

| STT | Họ và tên      |       | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|----------------|-------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                |       |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 36  | Nguyễn Hữu     | Toàn  | 3741010123 | 10/05/1995 | 6,00        | 3,00        | 4,50      |         |
| 37  | Nguyễn Thành   | Duy   | 3741010133 | 01/01/1992 | 7,00        |             |           |         |
| 38  | Nguyễn Thành   | Long  | 3741010134 | 08/06/1995 | 5,00        | 10,00       | 7,50      |         |
| 39  | Nguyễn Trung   | Thiết | 3741010138 | 15/02/1995 | 6,00        | 4,00        | 5,00      |         |
| 40  | Đình Công      | Long  | 3741010143 | 05/10/1993 | 6,00        | 3,00        | 4,50      |         |
| 41  | Huỳnh Công     | Hùng  | 3741010144 | 24/03/1995 | ,00         | ,00         | ,00       | CẤM T   |
| 42  | Trần Quốc      | Việt  | 3741010152 | 25/12/1993 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 43  | Đặng Tấn       | Sang  | 3741010153 | 28/09/1993 | 7,00        | 10,00       | 8,50      |         |
| 44  | Đặng Quốc      | Huy   | 3741010159 | 04/10/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | CẤM T   |
| 45  | Chu Trần Phước | Lộc   | 3741010160 | 23/03/1995 | ,00         | ,00         | ,00       | CẤM T   |
| 46  | Nguyễn Hoàng   | Nam   | 3741010161 | 13/01/1993 | 7,00        | 9,00        | 8,00      |         |
| 47  | Dương Quốc     | Thái  | 3741010162 | 19/10/1995 | 6,00        | 6,00        | 6,00      |         |
| 48  | Nguyễn Thanh   | Tú    | 3741010169 | 04/09/1995 | 5,00        | ,00         | 2,50      |         |
| 49  | Tăng Quang     | Hải   | 3741010479 | 30/06/1995 | 5,00        | 4,00        | 4,50      |         |
| 50  | Nguyễn Việt    | Hoá   | 3741010485 | 07/12/1994 | 5,00        | 7,00        | 6,00      |         |
| 51  | Trần Hồng      | Khoa  | 3745030030 | 01/09/1993 | 5,00        | 9,00        | 7,00      |         |

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)